

Bản án số: 54/2019/HNGĐ- ST.
Ngày: 15/11/2019.
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Thương;

2. Ông Nguyễn Quang Khải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 15/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2019/TLST - HNGĐ, ngày 30/5/2019, về ly hôn tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXX - ST ngày 14/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2019/TLST - HNGĐ ngày 29/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị N - Sinh năm: 1987. " Có mặt"

Trú tại: Bản Y2, Xã Mường P, Huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Vừ A X - Sinh năm: 1990. "Vắng mặt"

Trú tại: Bản Nà Pen 3, Xã Nà N, Huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 27/5/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân Huyện Đ B(nguyên đơn) chị Lương Thị N trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Xuân lấy nhau và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND Xã Nà N, Huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện, chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, chúng tôi đã được hai bên gia đình giải quyết, giải hòa nhưng mâu thuẫn không được giải quyết càng ngày càng trầm trọng, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 cho đến nay không còn đi lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm của

tôi và anh Xuân không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên viết đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Xuân.

2. Về con chung: Chị Ngọc khai vợ chồng có 01 con chung là: Vừ A Hùng, sinh ngày 29/11/2012. Chị Ngọc có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh Xuân phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản:

Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, đất ruộng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (bị đơn) anh Vừ A X trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Tôi và cô Ngọc lấy nhau đều tự nguyện, không ai bị ép buộc có đăng ký kết hôn từ năm 2013 tại UBND Xã Nà N, Huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn cô Ngọc tự ý bỏ về từ tháng 3 năm 2017 đến nay, tôi đã gọi điện nhiều lần nhưng không liên lạc được. Đến tháng 3 năm 2018 thì tôi bị tai nạn lao động gãy xương cột sống không đi lại được nằm một chỗ thì cô Ngọc cũng không về hỏi thăm, bản thân thì không đi lại được nên không có người chăm sóc thì tôi không nhất trí ly hôn.

2. *Về con chung:* Anh Xuân công nhận vợ chồng có 01 con chung: Vừ A Hùng, sinh ngày 29/11/2012. Anh Xuân có nguyện vọng muốn được nuôi con, không yêu cầu chị Ngọc phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản:*

Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lương Thị N, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn tranh chấp về nuôi con.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ngọc xin ly hôn với anh Xuân, anh Xuân có hộ khẩu thường trú tại Xã Nà N, Huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Đ B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Ngọc và anh Xuân lấy nhau năm 2013, đến năm 2019 thì chị Ngọc khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngọc và anh Xuân lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Tình cảm vợ chồng giữa chị Ngọc với anh Xuân đã xảy ra mâu thuẫn và chị Ngọc cùng với con trai đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2016 đến nay. Chị Ngọc thấy hiện nay tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, hai người đã không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Ngọc xin ly hôn là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến của anh Xuân không đồng ý ly hôn, anh Xuân cho rằng từ tháng 3 năm 2018 thì bị tai nạn lao động, không đi lại được. Nhưng thời gian trước đó là từ tháng 4 năm 2016 chị Ngọc đã cùng con trai bỏ đi về nhà bố mẹ đẻ mà anh Xuân không chủ động đi đón vợ con về nhà. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không chấp nhận yêu cầu của anh Xuân.

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung, chị Ngọc và anh Xuân đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt của con chưa thành niên. Cháu Hùng vẫn chưa đủ 07 tuổi để tự quyết định ở với bố hay ở với mẹ được.

Qua quá trình giải quyết thì anh Xuân và chị Ngọc ai cũng là lao động bình thường, ai cũng đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ năm 2016 cháu Hùng đã ở cùng với mẹ và ông bà ngoại ở Bản Y2, Xã Mường P, Huyện Đ B và cháu đang đi học, nên để đảm bảo quyền lợi và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của trẻ em. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật HN&GD nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc, giao cháu Vừ A Hùng cho chị Ngọc trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngọc và anh Xuân đều không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2]. Tài sản chung, diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Đối với bị đơn Vừ A X không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các

đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228/BLTTDS, điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Vừ A X.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ngọc được miễn án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS.

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

1- Tuyên xử: Cho chị Lương Thị N được ly hôn với anh Vừ A X.

2 - Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc, giao con chung là: Vừ A Hùng, sinh ngày 29/11/2012 cho chị Ngọc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Xuân không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án . Chị Ngọc được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND Xã Nà N;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Lương

